TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Phi Hùng
2. Bà Lê Hồng Quí

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim T, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Phương B, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Lê Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông B tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, tuy được hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà T yêu cầu được ly hôn đối với ông B.

Về con chung: Có 03 người con chung đã trưởng thành

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Bà T và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự.

[3] Các đương sự có 03 người con chung đã trưởng thành, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu. Phần bà T nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

[6] Bà T có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Ông B vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Huỳnh Phương B.

2. Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2.1. Không công nhận bà Lê Kim T và ông Huỳnh Phương B là vợ chồng.

2.2. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thể hiện tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005293 ngày 23/02/2018 được khấu trừ.

2.3. Bà T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế